VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, Công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, Công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, Công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.[1]

---

[1] Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng".

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chế độ hưu trí, trợ cấp một lần, chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí đối với đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào (sau đây gọi chung là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế) sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quân đội nhân dân (gọi tắt là quân nhân); sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc công an nhân dân (gọi tắt là công an); người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (gọi tắt là cơ yếu), nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an, cơ yếu hiện không thuộc diện đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000;

b) Thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên đang điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh hoặc từ các đoàn điều dưỡng thương binh đã về gia đình;

c) Quân nhân, công an, cơ yếu đã có quyết định chuyển ngành trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 nhưng không thực hiện được chế độ chuyển ngành hoặc đã thôi phục vụ tại ngũ về địa phương mà chưa giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

d) Quân nhân, công an, cơ yếu đã được giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc rồi đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được đơn vị cử đi lao động hợp tác quốc tế về nước và đã được giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.

2. Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Đối tượng không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối tượng đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đang công tác hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đang hưởng chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh hàng tháng;

c) Đào ngũ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi;

d) Vi phạm pháp luật đang chấp hành án tù giam, tù chung thân hoặc đã bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xóa án tích; bị tước danh hiệu quân nhân, danh hiệu công an nhân dân; bị buộc thôi việc;

đ) Xuất cảnh trái phép, đang định cư ở nước ngoài bất hợp pháp hoặc bị tòa án tuyên bố là mất tích;

e) Quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ, tuyển dụng trước ngày 30 tháng 4 năm 1975;

g) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã từ trần nhưng không còn vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

Điều 3. Quy định về địa bàn, thời gian xảy ra chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế

1. Trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là trực tiếp làm nhiệm vụ chiếu đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ truy quét Ful rô ở Tây Nguyên trong địa bàn và thời gian quy định tại Khoản 2 và Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này.

2. Địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là các huyện thuộc biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK1; các tỉnh Tây Nguyên và các địa bàn phụ cận có xảy ra chiến sự.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định các địa bàn phụ cận có xảy ra chiến sự.

3. Thời gian xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế được xác định như sau:

a) Ở biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979;

b) Ở biên giới phía Bắc từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988;

c) Truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992;

d) Làm nhiệm vụ giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988;

đ) Làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989.

Thời gian làm nhiệm vụ quốc tế đối với một số đơn vị làm nhiệm vụ đặc biệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 4. Chế độ hưu trí

1. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ hưu trí được quy định như sau:

a) Thời gian công tác thực tế trong quân đội, công an, cơ yếu có đóng bảo hiểm xã hội hoặc được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ hưu trí, bao gồm: thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên chức quốc phòng, công nhân viên chức công an, người làm công tác cơ yếu. Thời gian công tác trên nếu có gián đoạn thì được cộng dồn.

Đối với các trường hợp chuyển ngành sang làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài quân đội, công an, cơ yếu sau đó thôi việc hoặc đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được cử đi lao động hợp tác quốc tế sau đó phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh nặng do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý thì thời gian công tác ngoài quân đội, công an, cơ yếu, thời gian lao động hợp tác quốc tế, thời gian điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh nặng do ngành Nội vụ[2] quản lý không được tính hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

b) Thời gian công tác để tính hưởng chế độ hưu trí nếu có tháng lẻ thì dưới 3 tháng không tính, có từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng được tính bằng một nửa (1/2) mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội, có từ trên 6 tháng đến 12 tháng được tính bằng mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội.

2. Mức lương hưu hàng tháng của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này được tính theo số năm thực tế phục vụ trong quân đội, công an, cơ yếu. Mức lương hưu và mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định như sau:

a) Mức lương hưu: cứ đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, cứ thêm một năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3% đối với nữ và 2% đối với nam. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng sinh hoạt phí thì mức lương hưu hàng tháng được tính bằng 01 tháng lương tối thiểu chung theo quy định của Chính phủ cho từng thời kỳ.

---

[2] Cụm từ "ngành Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "ngành Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

b) Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu hàng tháng là bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc chuyển sang đoàn điều dưỡng thương binh thuộc ngành Nội vụ[3] quản lý hoặc trước khi đi lao động hợp tác quốc tế.

c) Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối, bao gồm: tiền lương theo cấp bậc quân hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) được chuyển đổi thành hệ số lương tương ứng quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Mức lương quân hàm Chuẩn úy tính bằng hệ số 3,90.

Điều 5. Chế độ trợ cấp một lần và chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí

1. Đối tượng quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định này đã từ trần trước ngày 01 tháng 01 năm 2012, bao gồm cả đối tượng từ trần khi đang tại ngũ hoặc đang công tác thì một trong những thân nhân sau đây của đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng: vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; khi từ trần, người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng phí, thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc trợ cấp tuất một lần và các chế độ, chính sách khác như người hưởng lương hưu theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự giải quyết chế độ

1. Hồ sơ xét hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp một lần được quy định như sau:

a) Hồ sơ xét hưởng chế độ hưu trí gồm: 01 đơn đề nghị của đối tượng; một hoặc một số giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan (bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền) chứng minh đúng đối tượng, đủ điều kiện hưởng chế độ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 3 Nghị định này.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần (đối với đối tượng đã từ trần) gồm: 01 đơn đề nghị của thân nhân đối tượng; một hoặc một số giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan (bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền) chứng minh đúng đối tượng, đủ điều kiện hưởng chế độ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 3 Nghị định này.

---

[3] Cụm từ "ngành Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "ngành Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp một lần được thực hiện như sau:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này hoặc thân nhân đối tượng có trách nhiệm làm đơn và nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi[4] thường trú;

b)[5] Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối với đối tượng là quân nhân, cơ yếu; công an cấp tỉnh đối với đối tượng là công an.

c)[6] ***(được bãi bỏ);***

d)[7] Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; công an cấp tỉnh hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp, báo cáo Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;

đ) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Bộ Tư lệnh quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc thẩm định, hoàn thiện hồ sơ đối với các đối tượng là quân nhân, cơ yếu, chuyển Bảo hiểm xã hội Quân đội[8];

---

[4] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[6] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[8] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

e) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Bảo hiểm xã hội Quân đội[9] hoàn thành việc xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp lần đối với đối tượng là quân nhân, cơ yếu và chuyển Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện; Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[10] xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng là công an, chuyển Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành[11]

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ[12], Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ đối với đối tượng là quân nhân, cơ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Bộ Công an, Bộ Nội vụ[13], Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ đối với đối tượng là công an quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

---

[9] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" tại theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[10] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[11] Điều 6 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

*"**Điều 6. Trách nhiệm thi hành***

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.".

[12] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Bộ Nội vụ" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[13] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Bộ Nội vụ" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận, chi trả các chế độ đối với các đối tượng theo quy định tại Nghị định này.

5. Việc xác nhận, xét duyệt đối tượng hưởng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này phải bảo đảm công khai, chặt chẽ, chính xác và thuận tiện.

6. Những người có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và phải hoàn trả số tiền đã nhận; bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành[14]

---

[14] Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng quy định như sau:

*"**Điều 5. Hiệu lực thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ

a) Thay thế cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Bộ Nội vụ" tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

b) Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

c) Bãi bỏ, thay thế cụm từ sau:

Bãi bỏ cụm từ "Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Thay thế cụm từ "Cơ yếu cấp huyện" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác trong doanh trại tại Danh mục số

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2012.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ QUỐC PHÒNG	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 46/VBHN-BQP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025*
	KT. BỘ TRƯỞNG
	THỨ TRƯỞNG
	Thượng tướng Võ Minh Lương

03 Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ "Phòng Mã dịch điện mật cấp huyện và tương đương" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 13: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng Mã dịch điện mật tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm "Cơ yếu cấp huyện và tương đương" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 14: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng điện báo tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

d) Thay thế một số cụm từ sau:

Thay thế cụm từ "Sở Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Sở Nội vụ" tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội địa phương" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảo hiểm xã hội khu vực)" tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận".

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn